TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DS-ST
Ngày 27/9/2017
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất; Đòi lại tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thanh Liên

Bà Lê Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ai Giôn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đưa ra xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2017/TLST-DSST ngày 06/02/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; Đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2015/QĐST-DSST ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

+ Ông Trần Kinh V, sinh 1954 và bà Lê Thanh H, sinh 1965.

Địa chỉ: đường T, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đắc H1, sinh năm 1951. Địa chỉ: đường N, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. " Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2016". (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Quang T và Bà Thân Khánh L, sinh 1990.

Địa chỉ: số đường L, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đàm Thị Thiên L1, sinh năm 1969. Địa chỉ: đường L, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

" Văn bản ủy quyền ngày 10 /07/2017 và ngày 18 /9/2017"

+Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+Bà Võ Thị Mai L2, sinh 1959 và ông Trần Thanh D, sinh 1958.

Địa chỉ: đường T, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt).

+Bà Đặng Thị Hoài N, sinh 1971. Địa chỉ: Số đường B, phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt).

+Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L-Chủ tịch UBND thành phố V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T2, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V. (Vắng mặt).

" Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 04 năm 2017"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản tự khai người đại diện và nguyên đơn ông Trần Kinh V và bà Lê Thanh H trình bày:

Năm 2003 ông Trần Thanh D, bà Võ Thị Mai L2 nhận chuyển nhượng một phần đất có diện tích 28m^2 của bà Đặng Thị Hoài N và xây nhà cấp 4 để ở. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 30/01/2004, ông D bà L2 chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông V, bà H.

Năm 2006 bà N được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 620726 ngày 14/5/2006 và đã chồng lấn lên diện tích ông V, bà H.

Năm 2010, vợ chồng ông D, bà T1 nhận chuyển nhượng nhà đất của bà N để ở và đã đăng ký sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số BD110081 ngày 13/10/2010 (thửa đất số 383 diện tích 77m^2, tờ bản đồ số 11) chồng lấn lên diện tích 28m^2 nhà đất của ông V, bà H.

Khi ông V, bà H phát hiện sự chồng lấn nên đã yêu cầu ông Dg, bà T1 làm lại giấy tờ nhà đất. Ông D, bà T1 đã nhận của ông V, bà H 10.000.000 đồng từ năm 2011 để tiến hành chỉnh sửa giấy tờ nhà đất, nhưng đến nay ông D, bà T1 không thực hiện mà cũng không trả lại tiền.

Tháng 4/2017 ông D, bà T1 đã chuyển nhượng và sang tên giấy tờ nhà đất cho ông Lê Quang T, bà Thân Khánh L.

Nay ông V, bà H khởi kiện:

+Yêu cầu ông T, bà L trả lại diện tích 28m^2 (đo thực tế 26m^2) và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 được UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2017 cho bà Thân Khánh L, ông Lê Quang T.

+Yêu cầu ông D, bà T1 trả lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại các bản khai người đại diện và bị đơn ông Lê Quang T, bà Thân Khánh L trình bày:

Tháng 3 năm 2017, bà Thân Khánh L và ông Lê Quang T có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thu T1 một căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 77m^2 với giá 1.070.000.000 đồng và đã được UBND TP. Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 ngày 10/4/2017. Khi mua đã có nhà đất của ông V bà H ở kế bên. Hiện nay, phần diện tích nhà đất của ông V bà H đang sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 cấp ngày 10/4/2017 của ông T, bà L. Nay ông V bà H khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại các bản khai bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Năm 2005 ông D, bà T1 nhận chuyển nhượng nhà đất của bà Đặng Thị Hoài N diện tích đất khoảng 51m^2 trên đất có nhà cấp 4 sát bên nhà ông V bà H. Nhà ông V, bà H đã xây nhà ổn định, còn căn nhà ông D, bà T1 mua của bà N đã được bà N xây dựng trước đó từ năm 2000 và ông D, bà T1 không xây dựng gì thêm. Ông D, bà T1 xác nhận diện tích đất của ông V, bà H có nằm trong diện tích đất mà ông D, bà T1 được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 ngày 13/10/2010 cho ông D, bà T1.

Khi biết có sự chồng lấn thì ông V bà H có đưa có ông D bà T1 10.000.000 đồng để đi chỉnh lý giấy tờ thì ông D bà T1 đã giao số tiền này cho bà N chủ đất đi làm giấy tờ.

Vào tháng 3/2017, ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thu T1 đã chuyển nhượng nhà đất cho bà Thân Khánh L và ông Lê Quang T và được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 110081 ngày 10/4/2017 cho bà Thân Khánh L và ông Lê Quang T.

Nay ông V, bà H khởi kiện đòi ông D, bà T1 trả số tiền 10.000.000 thì ông D, bà T1 không đồng ý vì đây là chi phí hợp lý hỗ trợ cho bà N đi về quê làm lại giấy tờ chứng minh nhân dân, hộ khẩu đã mất để tách thửa nhưng không tách được.

Theo các bản khai người có quyền lợi liên quan bà Đặng Thị Hoài N trình bày:

Năm 2000 bà N xây nhà, có dư một phần đất khoảng 28m^2 bà N bán cho bà Võ Thị Mai L2 và ông Trần Thanh D với giá 90.000.000 đồng, bà L2 và ông D xây nhà cấp 4 để ở. Năm 2004, bà L2, ông D bán lại nhà, đất cho vợ chồng ông V bà H. Năm 2005, bà N bán nhà đất cho ông D, bà T1 bằng giấy tay với

diện tích đang ở khoảng 51m^2. Bà N công nhận diện tích nhà đất ông V, bà H đang ở là của bà N bán cho ông D bà L2, ông D bà L2 bán lại cho ông V, bà H.

Số tiền 10.000.000 đồng ông D, bà T1 cho rằng đã đưa cho bà N là đúng, mục đích đưa là để đi làm lại chứng minh nhân, hộ khẩu bị thất lạc để hoàn thiện hồ sơ tách thửa cho ông V, bà H, nhưng không tách thửa được là vì lý do khách quan diện tích nhà, đất của ông V, bà H không đủ diện tích tách thửa. Ông V bà H đòi ông D bà T1 trả lại số tiền này là không đúng.

Tại các bản khai người có quyền lợi liên quan bà Võ Thị Mai L2, ông Trần Thanh D trình bày:

Năm 2003, ông D, bà L2 có nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị Hoài N diện tích đất 28m^2, tại số đường T, phường 3, thành phố Vũng Tàu với giá 90.000.000 đồng. Sau đó, ông D, bà L2 xây dựng nhà cấp 4 trên đất diện tích 28m^2. Đến năm 2004 ông D, bà L2 bán lại cho ông V, bà H nhà đất trên với giá 145.000.000 đồng bằng giấy viết tay và ông D, bà L2 có giao cho ông V, bà H "giấy bán đất" giữa bà N với ông D, bà L2, việc chuyển nhượng đã hoàn tất.

Nay, ông D, bà L2 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại các bản khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Vũng Tàu, ông Dương Văn T2 trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận cho các đương sự là đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 mà UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2017 cho bà Thân Khánh L, ông Lê Quang T thì UBND thành phố Vũng Tàu không đồng ý. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Sự vắng mặt của các đương sự Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có giấy ủy quyền. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi vợ chồng ông D, bà T1 trả lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc nguyên đơn rút mội phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi vợ chồng ông D, bà T1 trả lại 10.000.000 đồng và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn ông V bà H tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn ông T bà L và đòi ông D bà T1 trả lại tài tài là 10.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đã cấp cho ông T bà L. Đất tranh chấp tọa lạc tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn yêu cầu hủy do Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu cấp. Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông V, bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả lại diện tích 28m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 được UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2017 đứng tên bà Thân Khánh L, ông Lê Quang T.

+Khởi kiện buộc ông D, bà T1 trả lại cho ông V, bà H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa phía nguyên đơn ông V bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông D, bà T1 trả 10.000.000 đồng nữa, mà chỉ khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất 26 m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 mà UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 10/4/2017 cho bà Thân Khánh L, ông Lê Quang T.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn ông V bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[3] Xét nội dung khởi kiện của ông V, bà H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông ông T bà L trả lại 26m^2 đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất.

Hội đồng xét xử, thấy:

Đất tranh chấp đo thực tế 26m^2 có nguồn gốc: Năm 2003 ông Trần Thanh D, bà Võ Thị Mai L2 chuyển nhượng một phần đất có diện tích 28m^2 của bà Đặng Thị Hoài N và xây nhà cấp 4 để ở. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 30/01/2004, ông D bà L2 chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông V, bà H.

Năm 2006 bà N được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 620726 ngày 14/5/2006 và đã chồng lấn lên diện tích ông V, bà H.

Năm 2010, vợ chồng ông D, bà T1 nhận chuyển nhượng nhà đất của bà N để ở và đã được cấp giấy chứng nhận QSD nhà đất số BD 110081 ngày 13/10/2010 tại thửa đất số 383 diện tích 77m^2, tờ bản đồ số 11 chồng lấn lên diện tích 26m^2 nhà đất của ông V, bà H.

Tháng 4/2017 ông D, bà T1 đã chuyển nhượng và sang tên giấy tờ nhà đất cho ông Lê Quang T, bà Thân Khánh y. Ông T, bà L đã được UBND thành phố Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 ngày 10/4/2017 tại thửa đất số 383 diện tích 77m^2, tờ bản đồ số 11 chồng lấn lên diện tích 26m^2 nhà đất của ông V, bà H.

Tại phiên tòa đại diện ông V bà H và đại diện ông T bà L thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

+Ông Trần Kinh V và bà Lê Thanh H được quyền sử dụng diện tích đất 26m^2 thuộc thửa 383 tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+Ông Lê Quang T và bà Thân Khánh L được quyền sử dụng diện tích đất 51,2m^2 thuộc thửa 383 tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Theo sơ đồ vị trí khu đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 28/8/2017.

+Hủy giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 ngày 10/4/2017 mà UBND thành phố Vũng Tàu đã cấp cho bà Thân Khánh L và ông Lê Quang T.

+Về chi phí định giá, đo vẽ, thẩm định: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Mỗi bên chịu một nửa là 3.678.000 đồng : 2 = 1.839.000 đồng. Bên phía ông V bà H đã ứng ra nộp trước, nay ông T bà L có trách nhiệm trả lại cho ông V bà H 1.839.000 đồng.

+Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án. Mỗi bên chịu một nửa: Giá trị đất tranh chấp 26 m^2 x 8.556.000 đồng/m^2 = 222.456.000 đồng x 5% = 11.122.800 đồng : 2 = 5.561.400 đồng.

Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự , sự thỏa thuận của các đương là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V bà H. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 và Điều 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính**.** Điều 12, khoản 5 Điều 166 luật đất đai. Điều 472, 473,474, 481,482 Bộ luật dân sự. Khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kinh V và bà Lê Thanh H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kinh V và bà Lê Thanh H về việc buộc ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thu T1 phải trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) .

3.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Ông Trần Kinh V và bà Lê Thanh Hh được quyền sử dụng diện tích đất 26m^2 thuộc thửa 383 tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+Ông Lê Quang Th và bà Thân Khánh L được quyền sử dụng diện tích đất 51,2m^2 thuộc thửa 383 tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 28/8/2017. (Có sơ đồ kèm theo bản án)

+Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 ngày 10/4/2017 mà Uỷ ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đã cấp cho bà Thân Khánh L và ông Lê Quang T.

+Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Quang T, bà Thân Khánh L và ông Trần Kinh V, bà Lê Thanh H theo quy định của pháp luật.

(Theo sơ đồ vị trí, diện tích thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 28/8/2017).

+Ông Lê Quang T và bà Thân Khánh L có nghĩa vụ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD110081 cấp ngày 10/4/2017 cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác phù hợp với vị trí diện tích đất thực tế được quyền sử dụng.

4.Về chi phí định giá, đo vẽ, thẩm định: 3.678.000 đồng.

Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu một nửa là 1.839.000 đồng.(Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Ông V bà H đã ứng ra nộp đủ trước 3.678.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Ông T bà L có trách nhiệm trả lại cho ông V bà H 1.839.000 đồng.(Một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng).

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: 11.122.800 đồng.

Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu một nửa là 5.561.400 đồng (Năm triệu, năm trăm sáu mốt ngàn, bốn trăm đồng).

+Ông V và bà H nộp 5.561.400 đồng, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.875.000 đồng theo biên lai số 0002243 ngày 23/01/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông V và bà H còn phải nộp 1.686.400 đồng (Một triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng).

+Ông T và bà L phải nộp 5.561.400 đồng (Năm triệu, năm trăm sáu mốt ngàn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6.Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao xét xử theo trình tự phúc thẩm (đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết).

Nơi nhận:
+VKSND tỉnh BRVT;
+Cục THA tỉnh BRVT;
+Các đương sự;
+Lưu hồ sơ,Tòa DS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đã đóng dâu)

Trịnh Hoàng Anh